CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
———	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 284/2026/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 16 tháng 7 năm 2026*

NGHỊ ĐỊNH
Quy định xử phạt vi phạm hành chính về tài sản mã hóa và thị trường tài sản mã hóa

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 67/2020/QH14 và Luật số 88/2025/QH15;

Căn cứ Luật Công nghiệp công nghệ số số 71/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phòng, chống rửa tiền số 14/2022/QH15;

Căn cứ Luật Phòng, chống khủng bố số 28/2013/QH13;

Căn cứ Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP của Chính phủ về việc triển khai thí điểm thị trường tài sản mã hóa tại Việt Nam;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính về tài sản mã hóa và thị trường tài sản mã hóa.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định các hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả, việc thi hành các hình thức xử phạt vi phạm hành chính và biện pháp khắc phục hậu quả, thẩm quyền lập biên bản và thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về tài sản mã hóa và thị trường tài sản mã hóa tại Việt Nam theo Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ về việc triển khai thí điểm thị trường tài sản mã hóa tại Việt Nam.

2. Vi phạm hành chính về tài sản mã hóa và thị trường tài sản mã hóa quy định tại Nghị định này bao gồm:

a) Vi phạm quy định về chào bán, phát hành tài sản mã hóa;

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

b) Vi phạm quy định về tổ chức thị trường giao dịch tài sản mã hóa;

c) Vi phạm quy định về trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa;

d) Vi phạm quy định về giao dịch tài sản mã hóa;

đ) Vi phạm quy định liên quan đến chuyển tiền của nhà đầu tư nước ngoài;

e) Hành vi cản trở việc thanh tra, kiểm tra, yêu cầu cung cấp thông tin;

g) Hành vi thu thập, tàng trữ, trao đổi, mua bán, tặng cho, công khai hóa trái phép dữ liệu, thông tin tài khoản tài sản mã hóa;

h) Vi phạm quy định về phòng, chống rửa tiền; phòng, chống tài trợ khủng bố; phòng, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt đối với tổ chức, cá nhân tham gia thị trường tài sản mã hóa.

3. Các hành vi vi phạm hành chính trong các lĩnh vực khác liên quan đến tài sản mã hóa và thị trường tài sản mã hóa không được quy định tại Nghị định này thì áp dụng quy định tại các Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực có liên quan để xử phạt.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Nghị định này áp dụng đối với:

a) Tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài (sau đây gọi chung là tổ chức, cá nhân) thực hiện hành vi vi phạm hành chính về tài sản mã hóa và thị trường tài sản mã hóa quy định tại Nghị định này;

b) Người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính, người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

2. Tổ chức quy định tại điểm a khoản 1 Điều này bao gồm:

a) Tổ chức phát hành tài sản mã hóa;

b) Tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa;

c) Tổ chức thành lập theo pháp luật Việt Nam và tổ chức thành lập theo pháp luật nước ngoài tham gia đầu tư tài sản mã hóa và hoạt động trên thị trường tài sản mã hóa tại Việt Nam trong phạm vi quy định tại Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP;

d) Tổ chức khác có liên quan đến hoạt động chào bán, phát hành tài sản mã hóa, tổ chức thị trường giao dịch tài sản mã hóa tại Việt Nam.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Điều 3. Hình thức xử phạt vi phạm hành chính và biện pháp khắc phục hậu quả

1. Hình thức xử phạt chính:

a) Cảnh cáo;

b) Phạt tiền.

2. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng Giấy phép cung cấp dịch vụ tổ chức thị trường giao dịch tài sản mã hóa có thời hạn từ 01 tháng đến 03 tháng;

b) Đình chỉ hoạt động chào bán, phát hành tài sản mã hóa có thời hạn từ 01 tháng đến 12 tháng;

c) Đình chỉ hoạt động cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa có thời hạn từ 01 tháng đến 06 tháng;

d) Đình chỉ hoạt động giao dịch tài sản mã hóa có thời hạn từ 01 tháng đến 12 tháng;

đ) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc hủy bỏ thông tin, cải chính thông tin; buộc cung cấp thông tin chính xác, đầy đủ;

b) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm;

c) Buộc gỡ bỏ trang thông tin điện tử, phần mềm, hệ thống giao dịch và các trang thiết bị khác được sử dụng để thực hiện hành vi vi phạm;

d) Buộc hủy bỏ đợt chào bán, phát hành tài sản mã hóa và buộc phải trả lại toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán, phát hành tài sản mã hóa;

đ) Buộc nộp lại số tiền bằng với giá trị tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định pháp luật.

Điều 4. Quy định về mức phạt tiền tối đa, vi phạm hành chính nhiều lần

1. Mức phạt tiền tối đa đối với hành vi vi phạm quy định tại Nghị định này là 200.000.000 đồng đối với tổ chức, 100.000.000 đồng đối với cá nhân.

2. Mức phạt tiền quy định tại Chương II Nghị định này được áp dụng đối với tổ chức. Trường hợp cá nhân có hành vi vi phạm như của tổ chức thì mức phạt tiền bằng 1/2 mức phạt tiền đối với tổ chức.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

3. Tổ chức, cá nhân thực hiện vi phạm hành chính nhiều lần thì bị xử phạt về từng hành vi vi phạm, trừ trường hợp thực hiện hành vi vi phạm hành chính nhiều lần đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều 8, khoản 3 Điều 10 Nghị định này thì bị xử phạt một lần và áp dụng tình tiết tăng nặng vi phạm hành chính nhiều lần.

Điều 5. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính về tài sản mã hóa và thị trường tài sản mã hóa; hành vi vi phạm hành chính đã kết thúc, hành vi vi phạm hành chính đang thực hiện

1. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính về tài sản mã hóa và thị trường tài sản mã hóa là 01 năm.

2. Trường hợp xử phạt vi phạm hành chính đối với tổ chức, cá nhân do cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng chuyển đến thì thời hiệu xử phạt áp dụng theo quy định tại khoản 1 Điều này được kéo dài thêm 01 năm. Thời gian cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng thụ lý, xem xét được tính vào thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính.

3. Trong thời hạn quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này mà tổ chức, cá nhân cố tình trốn tránh, cản trở việc xử phạt thì thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính được tính lại kể từ thời điểm chấm dứt hành vi trốn tránh, cản trở việc xử phạt.

4. Việc xác định hành vi vi phạm hành chính đã kết thúc, hành vi vi phạm hành chính đang thực hiện để tính thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính được thực hiện theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

5. Thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm để tính thời hiệu xử phạt đối với một số hành vi vi phạm tại Chương II Nghị định này được quy định như sau:

a) Đối với hành vi vi phạm quy định về công bố, thông báo, đăng tải, thông tin, công khai quy định tại điểm c khoản 3 Điều 6, khoản 1 Điều 7, điểm b khoản 2 Điều 7, các điểm a, c và d khoản 2 Điều 8, khoản 4 Điều 8 Nghị định này, thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm để tính thời hiệu xử phạt là ngày thực hiện công bố, thông báo, đăng tải, thông tin, công khai;

b) Đối với hành vi vi phạm quy định về báo cáo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 7, điểm a khoản 5 Điều 8, điểm c và điểm d khoản 6 Điều 8, điểm b khoản 2 Điều 13, điểm b khoản 6 Điều 13, điểm a khoản 8 Điều 13 Nghị định này; hành vi vi phạm về thời hạn báo cáo quy định tại khoản 3 Điều 10, điểm a khoản 6 Điều 13 Nghị định này thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm để tính thời hiệu xử phạt là ngày thực hiện báo cáo;

c) Đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 3 Điều 7 Nghị định này, thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm để tính thời hiệu xử phạt là ngày tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa nộp hồ sơ điều chỉnh Giấy phép cung cấp dịch vụ tổ chức thị trường giao dịch tài sản mã hóa đến Bộ Tài chính;

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

d) Đối với hành vi vi phạm không quản lý tách biệt tiền, tài sản mã hóa của từng khách hàng với tiền, tài sản mã hóa của tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa quy định tại điểm a khoản 6 Điều 8 Nghị định này, thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm để tính thời hiệu xử phạt là ngày tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa thực hiện việc quản lý tách biệt tiền, tài sản mã hóa của khách hàng theo đúng quy định của pháp luật.

Chương II
HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH, HÌNH THỨC XỬ PHẠT VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ

Điều 6. Vi phạm quy định về chào bán, phát hành tài sản mã hóa

1. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với tổ chức phát hành tài sản mã hóa vi phạm quy định pháp luật về sở hữu nước ngoài đối với tài sản làm cơ sở cho phát hành tài sản mã hóa.

2. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với tổ chức phát hành tài sản mã hóa cung cấp thông tin không chính xác, không đầy đủ, không kịp thời, gây hiểu nhầm cho cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa, nhà đầu tư.

3. Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với tổ chức phát hành tài sản mã hóa thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Chào bán, phát hành tài sản mã hóa cho đối tượng không đúng quy định;

b) Chào bán, phát hành tài sản mã hóa khi không đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP;

c) Không công bố thông tin Bản cáo bạch chào bán, phát hành tài sản mã hóa và các tài liệu khác có liên quan trên trang thông tin điện tử của tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa, trang thông tin điện tử của tổ chức phát hành theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP;

d) Không thực hiện đúng theo các thông tin công bố tại Bản cáo bạch chào bán, phát hành tài sản mã hóa.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Đình chỉ hoạt động chào bán, phát hành tài sản mã hóa có thời hạn từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2, điểm d khoản 3 Điều này;

b) Đình chỉ hoạt động chào bán, phát hành tài sản mã hóa có thời hạn từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại các điểm a, b và c khoản 3 Điều này.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc cung cấp thông tin chính xác, đầy đủ đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Buộc hủy bỏ đợt chào bán, phát hành tài sản mã hóa và buộc phải trả lại toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán, phát hành tài sản mã hóa đối với hành vi vi phạm quy định tại các điểm a, b và c khoản 3 Điều này.

Điều 7. Vi phạm quy định về tổ chức thị trường giao dịch tài sản mã hóa

1. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với tổ chức đăng ký cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa không thực hiện công bố thông tin về ngày chính thức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa cho nhà đầu tư trên trang thông tin điện tử của Bộ Tài chính, trên 01 tờ báo điện tử hoặc báo in trong 03 số liên tiếp trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ thời điểm Bộ Tài chính cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ tổ chức thị trường giao dịch tài sản mã hóa.

2. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa bị thu hồi Giấy phép cung cấp dịch vụ tổ chức thị trường giao dịch tài sản mã hóa thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không chấm dứt ngay mọi hoạt động ghi trong Giấy phép cung cấp dịch vụ tổ chức thị trường giao dịch tài sản mã hóa;

b) Không thông báo trên 01 tờ báo điện tử hoặc báo in trong 03 số liên tiếp về việc chấm dứt mọi hoạt động ghi trong Giấy phép cung cấp dịch vụ tổ chức thị trường giao dịch tài sản mã hóa;

c) Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng thời hạn việc tất toán tài sản của khách hàng cho tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa được khách hàng chọn hoặc được Bộ Tài chính chỉ định tiếp nhận và quản lý tài sản của khách hàng;

d) Không báo cáo Bộ Tài chính sau khi hoàn thành nghĩa vụ tất toán tài sản của khách hàng.

3. Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 180.000.000 đồng đối với tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không nộp hồ sơ điều chỉnh Giấy phép cung cấp dịch vụ tổ chức thị trường giao dịch tài sản mã hóa đến Bộ Tài chính khi có một trong các thay đổi bao gồm tên công ty, địa chỉ đặt trụ sở chính, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật, thông tin, chức danh của người đại diện theo pháp luật;

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

b) Hoạt động không đúng nội dung quy định trong Giấy phép cung cấp dịch vụ tổ chức thị trường giao dịch tài sản mã hóa.

4. Phạt tiền từ 180.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Thực hiện hoạt động cung cấp dịch vụ liên quan đến tài sản mã hóa khi chưa được cấp giấy phép cung cấp dịch vụ tổ chức thị trường giao dịch tài sản mã hóa;

b) Quảng cáo, tiếp thị liên quan đến tài sản mã hóa khi chưa được cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ tổ chức thị trường giao dịch tài sản mã hóa.

5. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng Giấy phép cung cấp dịch vụ tổ chức thị trường giao dịch tài sản mã hóa có thời hạn từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 3 Điều này;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 4 Điều này.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 3 và điểm a khoản 4 Điều này;

b) Buộc gỡ bỏ trang thông tin điện tử, phần mềm, hệ thống giao dịch và các trang thiết bị khác được sử dụng để thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 3 và điểm a khoản 4 Điều này;

c) Buộc nộp lại số tiền bằng với giá trị tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định pháp luật đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 4 Điều này;

d) Buộc hủy bỏ thông tin, cải chính thông tin đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 4 Điều này.

Điều 8. Vi phạm quy định về trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa

1. Cảnh cáo đối với tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa không thực hiện trách nhiệm tuyên truyền, phổ biến kiến thức về tài sản mã hóa cho nhà đầu tư.

2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

a) Không đăng tải trong thời hạn quy định các quy trình quy định tại các điểm b, c, d, g và k khoản 6 Điều 8 Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP, báo cáo tài chính năm được kiểm toán hoặc báo cáo vốn điều lệ đã góp được kiểm toán tại thời điểm gần nhất quy định tại khoản 8 Điều 9 Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP trên trang thông tin điện tử của doanh nghiệp, trang thông tin điện tử của Bộ Tài chính;

b) Ban hành quy trình sửa đổi, bổ sung các quy trình quy định tại khoản 6 Điều 8 của Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP khi chưa có ý kiến của Bộ Tài chính;

c) Không thực hiện thông tin trong thời hạn quy định cho Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Công an về các đợt phát hành tài sản mã hóa trong tháng liền kề trước đó theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 15 Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP, về tình hình thị trường giao dịch tài sản mã hóa trong tháng liền kề trước đó theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 15 Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP;

d) Không công khai biểu giá dịch vụ liên quan đến hoạt động kinh doanh tài sản mã hóa, trong đó nêu rõ các loại giá dịch vụ, mức giá áp dụng cho từng loại hình dịch vụ, hoạt động, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật hoặc không thông báo hoặc thông báo không đúng thời hạn quy định cho nhà đầu tư trong trường hợp có sự thay đổi trong biểu giá dịch vụ theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 15 Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP.

3. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa không thực hiện xác minh danh tính nhà đầu tư mở tài khoản.

4. Hành vi vi phạm quy định về thời hạn công bố thông tin quy định tại khoản 3 Điều 15 Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP bị xử phạt như sau:

a) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi chậm công bố thông tin dưới 15 ngày so với quy định hoặc so với yêu cầu của Bộ Tài chính;

b) Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi chậm công bố thông tin từ 15 ngày trở lên so với quy định hoặc so với yêu cầu của Bộ Tài chính.

5. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không thực hiện báo cáo theo yêu cầu của cơ quan quản lý theo quy định tại điểm o khoản 2 Điều 15 Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP;

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

b) Không bảo đảm thông tin quảng cáo, tiếp thị chính xác, đầy đủ, rõ ràng, không gây hiểu lầm theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 15 Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP.

6. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không quản lý tách biệt tiền, tài sản mã hóa của từng khách hàng với tiền, tài sản mã hóa của tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa;

b) Không giám sát hoạt động giao dịch tài sản mã hóa;

c) Không báo cáo Bộ Tài chính trong trường hợp có thông tin liên quan đến doanh nghiệp ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;

d) Không báo cáo Bộ Tài chính, Bộ Công an, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc lựa chọn loại tài sản mã hóa đưa vào giao dịch;

đ) Không lưu trữ trên hệ thống máy chủ tại Việt Nam trong thời hạn quy định các thông tin theo quy định tại điểm l khoản 2 Điều 15 Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP;

e) Không thực hiện trách nhiệm phòng ngừa xung đột lợi ích giữa nhà đầu tư và tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa theo quy định tại điểm n khoản 2 Điều 15 Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP;

g) Không bảo đảm các bên thứ ba đáp ứng các tiêu chuẩn về an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu và tuân thủ các quy định về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt trong trường hợp sử dụng dịch vụ của bên thứ ba để hỗ trợ thực hiện, cung cấp dịch vụ liên quan đến tài sản mã hóa theo quy định tại điểm p khoản 2 Điều 15 Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP.

7. Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không bảo đảm điều kiện phát hành, tính đầy đủ, chính xác của Bản cáo bạch chào bán, phát hành tài sản mã hóa hoặc các thông tin khác phải công bố thông qua hệ thống của tổ chức cung cấp dịch vụ khi cung cấp dịch vụ nền tảng phát hành tài sản mã hóa theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 15 Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP;

b) Không bảo đảm nhà đầu tư được cung cấp dịch vụ tuân thủ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP; không bảo đảm việc mở tài khoản của nhà đầu tư tuân thủ nguyên tắc theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 16 Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP;

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

c) Không bảo đảm tính chính xác, trung thực, đầy đủ của các hồ sơ nộp cho cơ quan quản lý;

d) Không bảo đảm an ninh, an toàn hệ thống công nghệ thông tin; không bảo vệ tài sản của khách hàng.

8. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Đình chỉ hoạt động cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa có thời hạn từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 6 Điều này;

b) Đình chỉ hoạt động cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa có thời hạn từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 7 Điều này.

9. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc hủy bỏ thông tin, cải chính thông tin đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 5 Điều này.

Điều 9. Vi phạm quy định về giao dịch tài sản mã hóa

1. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với nhà đầu tư trong nước giao dịch tài sản mã hóa không thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa do Bộ Tài chính cấp phép theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP.

2. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với nhà đầu tư trong nước giao dịch tài sản mã hóa được chào bán, phát hành cho nhà đầu tư nước ngoài theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP.

Điều 10. Vi phạm quy định liên quan đến chuyển tiền của nhà đầu tư nước ngoài

1. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với nhà đầu tư nước ngoài vi phạm quy định về việc mở, đóng, sử dụng tài khoản thanh toán để thực hiện các giao dịch thu, chi liên quan đến mua, bán tài sản mã hóa tại Việt Nam quy định tại các khoản 1, 2 và 5 Điều 13 Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP.

2. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với nhà đầu tư nước ngoài không bảo đảm tính xác thực, hợp lệ, hợp pháp của hồ sơ, tài liệu, thông tin, dữ liệu cung cấp cho ngân hàng được phép nơi nhà đầu tư nước ngoài mở tài khoản chuyên dùng; không kê khai trung thực, đầy đủ nội dung giao dịch liên quan đến mua, bán tài sản mã hóa tại Việt Nam.

3. Ngân hàng được phép nơi nhà đầu tư nước ngoài mở tài khoản chuyên dùng không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định về trách nhiệm quy định tại khoản 9 Điều 13 Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP bị xử phạt như sau:

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

a) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi chậm báo cáo bằng văn bản về tổng hợp tình hình thu, chi trên tài khoản chuyên dùng để thực hiện giao dịch mua, bán tài sản mã hóa của nhà đầu tư nước ngoài dưới 15 ngày so với quy định;

b) Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi chậm báo cáo bằng văn bản về tổng hợp tình hình thu, chi trên tài khoản chuyên dùng để thực hiện giao dịch mua, bán tài sản mã hóa của nhà đầu tư nước ngoài từ 15 ngày trở lên so với quy định.

4. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với ngân hàng được phép nơi nhà đầu tư nước ngoài mở tài khoản chuyên dùng thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không kiểm tra, không lưu giữ hoặc lưu giữ không đầy đủ, không phù hợp các giấy tờ, chứng từ liên quan đến giao dịch trên tài khoản chuyên dùng để bảo đảm việc cung ứng dịch vụ ngoại hối đúng mục đích, đúng quy định của pháp luật theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 13 Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP;

b) Không ban hành hoặc ban hành không đầy đủ quy định nội bộ về hồ sơ, trình tự, thủ tục mở và sử dụng tài khoản chuyên dùng để thực hiện các giao dịch thu, chi liên quan đến mua, bán tài sản mã hóa; không công khai quy định nội bộ để nhà đầu tư nước ngoài biết và thực hiện;

c) Thực hiện mở, đóng hoặc thực hiện các giao dịch thu, chi trên tài khoản chuyên dùng cho nhà đầu tư nước ngoài không đúng quy định của pháp luật.

Điều 11. Hành vi thu thập, tàng trữ, trao đổi, mua bán, tặng cho, công khai hóa trái phép dữ liệu, thông tin tài khoản tài sản mã hóa

1. Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi thu thập, tàng trữ, trao đổi, mua bán, tặng cho, công khai hóa trái phép dữ liệu, thông tin tài khoản tài sản mã hóa.

2. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động giao dịch tài sản mã hóa có thời hạn từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 12. Hành vi cản trở việc thanh tra, kiểm tra, yêu cầu cung cấp thông tin

1. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

a) Từ chối cung cấp thông tin, tài liệu, dữ liệu điện tử hoặc cung cấp thông tin, tài liệu, dữ liệu điện tử không đúng thời hạn, không đầy đủ, chính xác theo yêu cầu của đoàn thanh tra, kiểm tra hoặc người có thẩm quyền;

b) Chống đối, cản trở, gây khó khăn hoặc trốn tránh việc thanh tra, kiểm tra của người có thẩm quyền; không giải trình, không đến làm việc theo yêu cầu của người có thẩm quyền;

c) Cố ý trì hoãn, trốn tránh, không thi hành quyết định hành chính của người có thẩm quyền; không thực hiện các yêu cầu, kiến nghị, kết luận, quyết định xử lý của đoàn thanh tra, kiểm tra, người có thẩm quyền.

2. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Che giấu, sửa chữa chứng từ, tài liệu, sổ sách, dữ liệu điện tử hoặc làm thay đổi tang vật trong khi đang bị thanh tra, kiểm tra;

b) Tự ý tháo bỏ, tẩu tán hoặc có hành vi khác làm thay đổi tình trạng sổ sách, hồ sơ, chứng từ kế toán hoặc các tang vật, phương tiện bị niêm phong khác; chiếm đoạt, tiêu hủy tài liệu, vật chứng liên quan đến nội dung thanh tra.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Đình chỉ hoạt động cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa có thời hạn từ 01 tháng đến 03 tháng đối với tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính là chứng từ, tài liệu, sổ sách, dữ liệu điện tử đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 13. Hành vi vi phạm quy định về phòng, chống rửa tiền; phòng, chống tài trợ khủng bố; phòng, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt

1. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 120.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm quy định sau đây về nhận biết khách hàng:

a) Không nhận biết khách hàng; không cập nhật thông tin nhận biết khách hàng; không xác minh thông tin nhận biết khách hàng hoặc nhận biết khách hàng, cập nhật, xác minh thông tin nhận biết khách hàng không đúng quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền, phòng, chống tài trợ khủng bố, phòng, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

b) Không cập nhật danh sách đen.

2. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 120.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm quy định sau đây về đánh giá rủi ro:

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

a) Không thực hiện đánh giá, không cập nhật kết quả đánh giá rủi ro rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt theo quy định của pháp luật;

b) Không báo cáo hoặc không phổ biến kết quả đánh giá, cập nhật rủi ro về rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt theo quy định của pháp luật.

3. Hành vi vi phạm quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền; phòng, chống tài trợ khủng bố; phòng, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt bị xử phạt như sau:

a) Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với hành vi không áp dụng hoặc áp dụng không đúng quy định nội bộ trong việc thực hiện kiểm soát, kiểm toán nội bộ theo quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền, phòng, chống tài trợ khủng bố, phòng, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt; không áp dụng quy định nội bộ về phân công hoặc không đăng ký phân công người chịu trách nhiệm, cán bộ, bộ phận phụ trách về phòng, chống rửa tiền, phòng, chống tài trợ khủng bố, phòng, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt theo quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền, phòng, chống tài trợ khủng bố, phòng, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt; không áp dụng hoặc áp dụng không đúng quy định nội bộ về đào tạo, bồi dưỡng, tuyển dụng theo quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền, phòng, chống tài trợ khủng bố, phòng, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

b) Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi không ban hành quy định nội bộ hoặc ban hành quy định nội bộ không đúng quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền, phòng, chống tài trợ khủng bố, phòng, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

4. Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 170.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không thực hiện các quy định liên quan đến khách hàng là cá nhân nước ngoài có ảnh hưởng chính trị theo quy định tại Luật Phòng chống rửa tiền;

b) Không xây dựng hoặc không ban hành quy trình quản lý rủi ro, không phân loại khách hàng theo mức độ rủi ro hoặc xây dựng quy trình quản lý rủi ro, phân loại khách hàng theo mức độ rủi ro không đúng quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền, phòng, chống tài trợ khủng bố, phòng, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

5. Hành vi vi phạm quy định về sản phẩm, dịch vụ mới, sản phẩm, dịch vụ hiện có áp dụng công nghệ đổi mới, giám sát giao dịch đặc biệt bị xử phạt như sau:

a) Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 170.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ các quy định liên quan đến trách

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

nhiệm của đối tượng báo cáo khi cung cấp sản phẩm, dịch vụ mới, sản phẩm, dịch vụ hiện có áp dụng công nghệ đổi mới theo quy định tại Luật Phòng, chống rửa tiền;

b) Phạt tiền từ 170.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi không giám sát giao dịch đặc biệt theo quy định tại Luật Phòng, chống rửa tiền.

6. Hành vi vi phạm quy định về báo cáo giao dịch có giá trị lớn, giao dịch đáng ngờ, báo cáo hành vi nghi ngờ liên quan đến tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt bị xử phạt như sau:

a) Phạt tiền 80.000.000 đồng đến 120.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định về thời hạn hoặc yêu cầu về tính đầy đủ, chính xác về thông tin báo cáo từ lần thứ ba trở lên trong năm tài chính đối với báo cáo giao dịch có giá trị lớn theo quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền, phòng, chống tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt; gửi báo cáo không đầy đủ thông tin theo quy định của pháp luật đối với báo cáo giao dịch đáng ngờ liên quan đến rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

b) Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi không báo cáo giao dịch có giá trị lớn phải báo cáo; không báo cáo giao dịch đáng ngờ liên quan đến rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt; không báo cáo khi có nghi ngờ khách hàng hoặc giao dịch của khách hàng liên quan đến tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt hoặc khách hàng nằm trong danh sách đen, danh sách bị chỉ định theo quy định của pháp luật phòng, chống khủng bố, pháp luật về phòng, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

7. Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm quy định sau đây về lưu trữ, cung cấp và bảo đảm bí mật thông tin, hồ sơ, tài liệu, báo cáo:

a) Không cung cấp kịp thời thông tin, hồ sơ, tài liệu, báo cáo theo quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền, phòng, chống tài trợ khủng bố, phòng, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt mà chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

b) Không lưu trữ hoặc lưu trữ không đầy đủ thông tin, hồ sơ, tài liệu, báo cáo; lưu trữ thông tin, hồ sơ, tài liệu không đúng thời hạn theo quy định của pháp luật phòng, chống rửa tiền, phòng, chống tài trợ khủng bố, phòng, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

c) Không tuân thủ quy định về bảo mật thông tin nhận biết khách hàng đối với thông tin, hồ sơ, tài liệu, báo cáo liên quan đến các giao dịch phải báo cáo

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

theo quy định của pháp luật phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

8. Hành vi vi phạm quy định về trì hoãn giao dịch, phong tỏa tài khoản; niêm phong hoặc tạm giữ tài sản bị xử phạt như sau:

a) Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 170.000.000 đồng đối với hành vi không báo cáo việc trì hoãn giao dịch theo quy định pháp luật về phòng, chống rửa tiền, phòng, chống tài trợ khủng bố; không báo cáo ngay khi thực hiện việc tạm ngừng lưu thông, phong tỏa tiền, tài sản liên quan đến tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt theo quy định của pháp luật;

b) Phạt tiền từ 170.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi không áp dụng biện pháp trì hoãn giao dịch theo quy định tại pháp luật về phòng, chống rửa tiền, phòng, chống tài trợ khủng bố; không phong tỏa tài khoản, không áp dụng biện pháp niêm phong, phong tỏa hoặc tạm giữ tài sản khi có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Luật Phòng, chống rửa tiền; không thực hiện tạm ngừng lưu thông, phong tỏa tiền, tài sản liên quan đến khủng bố, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt theo quy định của pháp luật.

9. Hành vi vi phạm quy định về các hành vi bị cấm trong phòng, chống rửa tiền, phòng, chống tài trợ khủng bố bị xử phạt như sau:

a) Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 170.000.000 đồng đối với hành vi cản trở việc cung cấp thông tin phục vụ công tác phòng, chống rửa tiền, phòng, chống tài trợ khủng bố;

b) Phạt tiền từ 160.000.000 đồng đến 180.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm thiết lập hoặc duy trì tài khoản vô danh hoặc tài khoản sử dụng tên giả;

c) Phạt tiền từ 180.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm tổ chức, tham gia hoặc tạo điều kiện, trợ giúp thực hiện hành vi rửa tiền mà chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự; thiết lập, duy trì quan hệ kinh doanh với ngân hàng vỏ bọc mà chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự; không tố giác hành vi tài trợ khủng bố mà chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự; lợi dụng việc tạm ngừng lưu thông, phong tỏa, niêm phong, tạm giữ, xử lý tiền, tài sản liên quan đến tài trợ khủng bố để xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân mà chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự; trực tiếp hoặc gián tiếp cung cấp tiền, tài sản, nguồn tài chính, nguồn lực kinh tế, dịch vụ tài chính hoặc dịch vụ khác cho tổ chức, cá nhân liên quan đến khủng bố, tài trợ khủng bố mà chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

10. Hình thức xử phạt bổ sung:

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

a) Đình chỉ hoạt động cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa có thời hạn từ 01 tháng đến 03 tháng đối với tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 9 Điều này;

b) Đình chỉ hoạt động chào bán, phát hành tài sản mã hóa có thời hạn từ 06 tháng đến 12 tháng đối với tổ chức phát hành tài sản mã hóa thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 9 Điều này;

c) Đình chỉ hoạt động giao dịch tài sản mã hóa có thời hạn từ 06 tháng đến 12 tháng đối với tổ chức, cá nhân giao dịch tài sản mã hóa thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 9 Điều này.

Chương III
THẨM QUYỀN XỬ PHẠT, LẬP BIÊN BẢN VI PHẠM HÀNH CHÍNH, ÁP DỤNG HÌNH THỨC XỬ PHẠT BỔ SUNG, BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ ĐỐI VỚI VI PHẠM HÀNH CHÍNH

Điều 14. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính

1. Trưởng đoàn thanh tra do Chánh Thanh tra Chứng khoán Nhà nước thành lập có quyền:

a) Cảnh cáo;

b) Phạt tiền tối đa đến 100.000.000 đồng đối với tổ chức và phạt tiền tối đa đến 50.000.000 đồng đối với cá nhân;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

2. Trưởng đoàn thanh tra do Chánh Thanh tra Ngân hàng Nhà nước khu vực thành lập có quyền:

a) Cảnh cáo;

b) Phạt tiền tối đa đến 100.000.000 đồng đối với tổ chức và phạt tiền tối đa đến 50.000.000 đồng đối với cá nhân;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

3. Chánh Thanh tra Chứng khoán Nhà nước, Trưởng đoàn kiểm tra do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thành lập có quyền:

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

a) Cảnh cáo;

b) Phạt tiền tối đa đến 160.000.000 đồng đối với tổ chức và phạt tiền tối đa đến 80.000.000 đồng đối với cá nhân;

c) Áp dụng hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

4. Chánh Thanh tra Ngân hàng Nhà nước khu vực có quyền:

a) Cảnh cáo;

b) Phạt tiền tối đa đến 160.000.000 đồng đối với tổ chức và phạt tiền tối đa đến 80.000.000 đồng đối với cá nhân;

c) Áp dụng hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

5. Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục An ninh kinh tế gồm: Trưởng phòng An ninh tiền tệ, Trưởng phòng An ninh tài chính, đầu tư, Trưởng phòng An ninh khoa học, công nghệ và tài nguyên, môi trường; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao gồm: Trưởng phòng Phòng, chống tội phạm sử dụng không gian mạng xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, Trưởng phòng An ninh thông tin mạng, Trưởng phòng Bảo vệ an ninh hệ thống mạng thông tin quốc gia, Trưởng phòng Giám sát thông tin mạng và phòng, chống hoạt động sử dụng không gian mạng xâm phạm an ninh quốc gia; Trưởng phòng Công an cấp tỉnh gồm: Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, môi trường, Trưởng phòng An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao, Trưởng phòng An ninh kinh tế, Chánh Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh, Trưởng đoàn kiểm tra do Thủ trưởng đơn vị thuộc Bộ Công an gồm: Cục An ninh kinh tế, Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an, Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao thành lập có quyền:

a) Cảnh cáo;

b) Phạt tiền tối đa đến 160.000.000 đồng đối với tổ chức và phạt tiền tối đa đến 80.000.000 đồng đối với cá nhân;

c) Áp dụng hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

6. Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Trưởng đoàn kiểm tra do Bộ trưởng Bộ Tài chính thành lập có quyền:

a) Cảnh cáo;

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

b) Phạt tiền tối đa đến 200.000.000 đồng đối với tổ chức và phạt tiền tối đa đến 100.000.000 đồng đối với cá nhân;

c) Áp dụng hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

7. Cục trưởng Cục An ninh kinh tế, Chánh Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, Cục trưởng Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao, Giám đốc công an cấp tỉnh, Chánh Thanh tra Bộ Công an, Trưởng đoàn thanh tra do Chánh Thanh tra Bộ Công an thành lập, Trưởng đoàn kiểm tra do Bộ trưởng Bộ Công an thành lập có quyền:

a) Cảnh cáo;

b) Phạt tiền tối đa đến 200.000.000 đồng đối với tổ chức và phạt tiền tối đa đến 100.000.000 đồng đối với cá nhân;

c) Áp dụng hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

8. Chánh Thanh tra Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Trưởng đoàn thanh tra do Chánh Thanh tra Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thành lập có quyền:

a) Cảnh cáo;

b) Phạt tiền tối đa đến 200.000.000 đồng đối với tổ chức và phạt tiền tối đa đến 100.000.000 đồng đối với cá nhân;

c) Áp dụng hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

Điều 15. Nguyên tắc xác định và phân định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về tài sản mã hóa và thị trường tài sản mã hóa

1. Trưởng đoàn thanh tra, Trưởng đoàn kiểm tra có thẩm quyền xử phạt đối với hành vi vi phạm hành chính thuộc phạm vi, nội dung cuộc thanh tra, kiểm tra trong thời hạn thanh tra, kiểm tra theo quy định của pháp luật. Trường hợp hết thời hạn thanh tra, kiểm tra theo quy định của pháp luật mà chưa thể ra quyết định xử phạt, thì phải chuyển vụ vi phạm đến người có thẩm quyền để xử phạt.

2. Trường hợp vi phạm hành chính về tài sản mã hóa và thị trường tài sản mã hóa thuộc thẩm quyền xử phạt của nhiều người thì việc xử phạt vi phạm hành chính do người thụ lý đầu tiên thực hiện.

3. Trường hợp hình thức, mức xử phạt, hình thức xử phạt bổ sung, biện pháp khắc phục hậu quả được quy định đối với một trong các hành vi vượt quá

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

thẩm quyền của người xử phạt vi phạm hành chính đang xử lý vụ việc thì người đó phải chuyển vụ vi phạm đến cấp có thẩm quyền xử phạt.

4. Phân định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với các chức danh quy định tại Điều 14 Nghị định này như sau:

a) Các chức danh quy định tại các khoản 1, 3, 5, 6 và 7 Điều 14 Nghị định này có thẩm quyền xử phạt đối với các hành vi vi phạm quy định tại các Điều 6, 7, 8, 9, khoản 3 Điều 10, Điều 11, Điều 12 và Điều 13 Nghị định này;

b) Các chức danh quy định tại các khoản 2, 4 và 8 Điều 14 Nghị định này có thẩm quyền xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định tại các Điều 10, 11, 12 và 13 Nghị định này.

Điều 16. Thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính

Những người sau đây có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính về tài sản mã hóa và thị trường tài sản mã hóa:

1. Người có thẩm quyền xử phạt quy định tại Điều 14 của Nghị định này có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm hành chính theo phân định thẩm quyền xử phạt quy định tại Điều 15 Nghị định này.

2. Công chức ngành tài chính, công chức ngành ngân hàng, người thuộc lực lượng Công an nhân dân đang thi hành công vụ, nhiệm vụ có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính về tài sản mã hóa và thị trường tài sản mã hóa đối với các hành vi vi phạm xảy ra trong phạm vi quản lý của cơ quan, đơn vị.

3. Thành viên Đoàn thanh tra, thành viên Đoàn kiểm tra lập biên bản đối với hành vi vi phạm phát hiện trong quá trình thanh tra, kiểm tra thuộc nội dung và phạm vi thanh tra, kiểm tra.

Điều 17. Áp dụng hình thức đình chỉ hoạt động chào bán, phát hành tài sản mã hóa

1. Khi áp dụng hình thức đình chỉ có thời hạn hoạt động chào bán, phát hành tài sản mã hóa quy định tại khoản 4 Điều 6 và điểm b khoản 10 Điều 13 Nghị định này, người có thẩm quyền quy định tại Điều 14 Nghị định này ra quyết định đình chỉ có thời hạn đối với toàn bộ hoạt động chào bán, phát hành tài sản mã hóa trên thị trường tài sản mã hóa tại Việt Nam của tổ chức vi phạm.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định xử phạt, người có thẩm quyền đã ra quyết định xử phạt phải gửi quyết định xử phạt cho tổ chức bị xử phạt, các tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa, Bộ Tài chính, Bộ Công an, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

3. Tổ chức vi phạm phải dừng ngay toàn bộ hoạt động chào bán, phát hành tài sản mã hóa đang thực hiện và không được thực hiện các đợt chào bán, phát hành tài sản mã hóa mới tại Việt Nam trong thời hạn bị đình chỉ hoạt động.

Điều 18. Áp dụng hình thức đình chỉ hoạt động cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa

1. Khi áp dụng hình thức xử phạt bổ sung là đình chỉ hoạt động cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa quy định tại khoản 8 Điều 8, điểm a khoản 3 Điều 12, điểm a khoản 10 Điều 13 Nghị định này, người có thẩm quyền quy định tại Điều 14 Nghị định này có quyền ra quyết định đình chỉ có thời hạn một hoặc một số dịch vụ, hoạt động về tài sản mã hóa của tổ chức vi phạm trong trường hợp hành vi vi phạm phát sinh từ việc cung cấp một hoặc một số dịch vụ, hoạt động đó.

2. Trường hợp chỉ ra quyết định đình chỉ có thời hạn một hoặc một số dịch vụ, hoạt động về tài sản mã hóa thì người có thẩm quyền quy định tại Điều 14 Nghị định này phải ghi rõ trong quyết định xử phạt về dịch vụ, hoạt động bị đình chỉ, thời hạn đình chỉ và hiệu lực thi hành của quyết định đình chỉ.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định xử phạt, người có thẩm quyền đã ra quyết định xử phạt phải gửi quyết định xử phạt cho tổ chức bị xử phạt, các tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa, Bộ Tài chính, Bộ Công an, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

4. Tổ chức bị xử phạt phải dừng ngay một hoặc một số dịch vụ, hoạt động về tài sản mã hóa được ghi trong quyết định xử phạt trong thời hạn bị đình chỉ hoạt động; không được ký mới, gia hạn các hợp đồng có liên quan đến dịch vụ, hoạt động về tài sản mã hóa bị đình chỉ hoạt động; phải thực hiện tất toán, chuyển tài khoản theo yêu cầu của nhà đầu tư (nếu có).

Điều 19. Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả

1. Thời hạn thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả buộc hủy bỏ thông tin, cải chính thông tin, buộc cung cấp thông tin chính xác, đầy đủ quy định tại điểm a khoản 5 Điều 6, điểm d khoản 6 Điều 7, khoản 9 Điều 8 Nghị định này là tối đa 10 ngày làm việc, kể từ ngày cá nhân, tổ chức vi phạm nhận được quyết định xử phạt có áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả. Tổ chức vi phạm phải công bố về việc hủy bỏ thông tin, cải chính thông tin trên 01 tờ báo điện tử và trên trang thông tin điện tử của mình. Tổ chức vi phạm khi thực hiện hủy bỏ thông tin, cải chính thông tin phải đồng thời báo cáo Bộ Tài chính về thông tin hủy bỏ và thông tin được cải chính.

2. Số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 7 Nghị định này là số lợi bao gồm tiền, giấy tờ có giá, tài sản và vật có giá mà tổ chức, cá nhân có được từ việc hoạt động tổ chức thị trường giao dịch tài sản mã hóa thông qua việc cung cấp nền tảng hoặc hệ thống

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

cơ sở hạ tầng để trao đổi thông tin, tập hợp lệnh mua, bán, giao dịch tài sản mã hóa và thanh toán giao dịch tài sản mã hóa khi chưa được cấp giấy phép hoặc có được từ việc mua hoặc bán tài sản mã hóa cho chính tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa khi chưa được cấp giấy phép hoặc có được từ việc cung cấp các dịch vụ tài sản mã hóa khi chưa được cấp giấy phép hoặc có được từ hoạt động không đúng nội dung quy định trong giấy phép cung cấp dịch vụ tổ chức thị trường giao dịch tài sản mã hóa, được xác định trên cơ sở hợp đồng hoặc thỏa thuận giữa tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ và tổ chức, cá nhân khác sau khi trừ đi các khoản thuế, phí phải nộp.

Số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Nghị định này là số lợi bao gồm tiền, giấy tờ có giá, tài sản và vật có giá mà tổ chức, cá nhân có được từ việc thực hiện hành vi thu thập, tàng trữ, trao đổi, mua bán, tặng cho, công khai hóa trái phép dữ liệu, thông tin tài khoản tài sản mã hóa, được xác định trên cơ sở hợp đồng hoặc thỏa thuận giữa tổ chức, cá nhân vi phạm và tổ chức, cá nhân khác sau khi trừ đi các khoản thuế, phí phải nộp.

Thời hạn thực hiện biện pháp buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm là tối đa 60 ngày, kể từ ngày cá nhân, tổ chức vi phạm nhận được quyết định áp dụng biện pháp này.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả buộc hủy bỏ đợt chào bán, phát hành tài sản mã hóa và buộc phải trả lại toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán, phát hành tài sản mã hóa quy định tại điểm b khoản 5 Điều 6 Nghị định này được thực hiện như sau:

a) Trong thời hạn tối đa 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định xử phạt vi phạm hành chính hoặc quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả, tổ chức vi phạm phải gửi văn bản thông báo cho nhà đầu tư về việc hủy bỏ đợt chào bán, phát hành tài sản mã hóa và hoàn trả cho nhà đầu tư tiền mua tài sản mã hóa;

b) Tổ chức vi phạm phải báo cáo người ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính hoặc quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả về kết quả thực hiện việc hủy bỏ đợt chào bán, phát hành tài sản mã hóa và hoàn trả cho nhà đầu tư tiền mua tài sản mã hóa, trong thời hạn tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành việc hoàn trả tiền cho nhà đầu tư.

4. Thời hạn thực hiện biện pháp buộc gỡ bỏ trang thông tin điện tử, phần mềm, hệ thống giao dịch và các trang thiết bị khác được sử dụng để thực hiện hành vi vi phạm theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 7 Nghị định này là tối đa 03 ngày làm việc, kể từ ngày cá nhân, tổ chức vi phạm nhận được quyết định áp dụng biện pháp này.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

5. Thời hạn thực hiện biện pháp buộc nộp lại số tiền bằng với giá trị tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định pháp luật quy định tại điểm c khoản 6 Điều 7 Nghị định này là tối đa 30 ngày, kể từ ngày cá nhân, tổ chức vi phạm nhận được quyết định áp dụng biện pháp này.

6. Tổ chức vi phạm phải báo cáo người có thẩm quyền đã ra quyết định xử phạt về kết quả thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các khoản 1, 2, 4 và 5 Điều này trong thời hạn tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn chấp hành biện pháp khắc phục hậu quả.

Điều 20. Xử phạt vi phạm hành chính trên môi trường điện tử

Việc xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Nghị định này trên môi trường điện tử được áp dụng theo quy định tại Điều 28a và Điều 28b Nghị định số 118/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 68/2025/NĐ-CP và Nghị định số 190/2025/NĐ-CP.

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 21. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 9 năm 2026 đến ngày Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP hết hiệu lực thi hành.

Điều 22. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với các hành vi vi phạm được thực hiện sau khi Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP hết hiệu lực thi hành, việc xử lý vi phạm hành chính được thực hiện theo văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực tại thời điểm đó.

2. Trường hợp Chính phủ quyết định tạm ngừng, đình chỉ, chấm dứt việc thực hiện thí điểm thị trường tài sản mã hóa tại Việt Nam theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP, các hành vi vi phạm hành chính đã kết thúc trước thời điểm tạm ngừng, đình chỉ, chấm dứt việc thực hiện thí điểm thị trường tài sản mã hóa nhưng chưa bị xử phạt thì tiếp tục bị xử phạt theo quy định tại Nghị định này; các hành vi vi phạm hành chính đang được thực hiện thì áp dụng văn bản quy phạm pháp luật đang có hiệu lực tại thời điểm phát hiện hành vi vi phạm để xử phạt.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Điều 23. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng Bộ Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn, tổ chức thi hành Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ, Cục, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (2b). 14

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Nguyễn Văn Thắng

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn